

Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA Số loại (Model code): FORTUNER

Loại xe (Type): Ôtô con Màu sơn (Color): Đen

Số máy (Engine N<sup>o</sup>): 2TR6910820

Số khung (Chassis N<sup>o</sup>): A9004750

Công suất (Horsepower): Dung tích (Capacity): 2694

Năm sản xuất (Year of manufacture): 2010 Tự trọng (Empty weight):

Tải trọng (Loading capacity): Hàng hoá (Goods): kg;

Số chỗ (Seat capacity): Ngồi (Sit): 07 Đứng (Stand): Nằm (Lie):

Trọng lượng kéo theo (Towed weight): kg; Kích thước bao (Overall dimension):

Dài (Length): 4.695; Rộng (Width): 1.840 m; Cao (Height): 1.850

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until date

Kon Tum, ngày (date) 14 tháng 1 năm 2011

TRƯỞNG PHÒNG

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

02/06/2010

THƯƠNG TÀI HOÀNG VĂN YẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN TỈNH KON TUM

Kon Tum Province's Public security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The Traffic Police Division

**ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ**

CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): **002996**

Tên chủ xe (Owner's full name):

**CTY TNHH 1TV CAO SU KON TUM**

Địa chỉ (Address):

**258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum**

Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N<sup>o</sup>/Passport):

Biển số đăng ký (N<sup>o</sup> Plate): **82A-004.10**

Mẫu số 10

BH kèm theo Thông tư số 06/2006/TT-BCA-C11

Ngày 11/3/2009 của Bộ Công an

**I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)**

Biển đăng ký: **82A-004.10**  
(Registration Number)

Số quản lý: **8201S-005310**  
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) FORTUNER TGN51L-NKPSKU

Số máy: (Engine Number) 2TR-6910820

Số khung: (Chassis Number) RL4YX59G3A9004750

Năm, Nước sản xuất: 2010, Việt Nam  
(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:  
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)**

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1540/1540 (mm)  
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4695 x 1840 x 1850 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2750 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1,845 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)  
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2450/2450 (kg)  
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)  
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm  
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2694 (cm<sup>3</sup>)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 118(kW)/5200vph

Số sê-ri: (No.) DA-4920428



Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)  
1: 2; 265/65R17  
2: 2; 265/65R17

Kon Tum, ngày 5 tháng 6 năm 2023

(Issued on: Day/Month/Year)

**ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH**

(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định  
(Inspection Report No)

8201S-07990/23

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **04/06/2024**



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Xuân Dâm*

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

## CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

*Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:*

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

*When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.*

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

*When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.*

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

*During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.*

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

*When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.*

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

*A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.*

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

*A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE  
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY  
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

**No: DA 4920428**